

Bản án số: 85/2018/HS-PT
Ngày 01-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;

Ông Đặng Bảo Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 294/2017/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/7/1998; trú tại: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2016 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

2. Nghiêm Văn S, sinh ngày 25/7/1999; trú tại: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nghiêm Văn S1 và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2016 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

3. Nghiêm Văn T, sinh ngày 24/6/1998; trú tại: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nghiêm Xuân T1 và bà Bạch Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2016 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo S:

Bà Trần Thị T (mẹ của bị cáo S);

Trú tại: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo L, S, T: Luật sư D - Công ty luật TNHH Nam L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Cháu Trần Lan A, sinh ngày 17/8/2002;

Trú tại: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Bà Phạm Thị T3 (mẹ cháu A); Trú tại: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn L và đồng phạm bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14h ngày 04/9/2016 Trần Văn B1, Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quốc C, Vương Đình N, Nguyễn Văn C1 và Nghiêm Văn S đang chơi ở nhà L ở thôn V, xã N, huyện T thì B1 nhận được điện thoại của Trần Thị O, sinh năm 1999 ở xã X, huyện T nhờ B1 đến nhà anh Nghiêm Văn T4 ở xã V, huyện Y đón O (O là người yêu của B1). B1 đồng ý và mượn xe của T đến nhà T4 đón O. Tại nhà anh T4 có cháu Trần Thị T5, sinh năm 2000, cháu Trần Lan A sinh ngày 17/8/2002 đang chơi ở đó. Thấy B1 đón O thì T5 và A bảo B1 cho về cùng. Trên đường đi B1 nói xe máy mượn của T nên bảo cháu O, T5 và A vào nhà Nguyễn Văn L trước để B1 đi trả xe máy.

Tại nhà L có Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Trần Quốc C, Vương Đình N và Nguyễn Văn C1.

Sau khi vào nhà L khoảng 10 phút thì Trần Thị T5 về trước, A ngồi nói chuyện với mọi người, B1 và O ngồi nói chuyện với nhau ở giường cạnh cầu thang. Lúc này có bà Lê Thị D (bà ngoại L) đến, sợ bà ngoại L mắng nên A, S, T chạy và buồng, khi ở trong buồng, S trêu A làm A hét lên thì T lấy chiếc áo

cộc tay trên dây phơi ném xuống và nói với S “bịt mồm nó lại”, T dùng chiếc áo trùm lên mặt A. Khi vào nhà bà Da bảo L dọn dẹp nhà cửa, L nhờ Nghĩa đưa bà Da về, tiếp đó Công về, B1 đưa O về nhà. Trong nhà lúc này có L, S, T, Đ, C và A. L nói với S và T “có phát không Đ đóng cửa”, ý hỏi S, T có quan hệ tình dục với A không. S nói “phát thì phát”. Thấy vậy L đóng các cửa ra vào, T cầm tay A kéo vào buồng, thấy T kéo A vào buồng nhưng A không đi nên L đã giúp T đẩy A vào. Trong buồng lúc này có T, L, S còn Đ, C đứng ngoài chứng kiến việc T, L đẩy A vào trong buồng nhưng không giúp sức gì. ở trong buồng thì S vật A ra giường và bảo T, L ra ngoài Đ S quan hệ tình dục với A trước. S nằm đè lên người A và dùng chân tay khống chế A nhằm Đ quan hệ tình dục, A chống đỡ và nói với S “em xin anh em đang đến kỳ kinh nguyệt”. Nhưng S vẫn không chế và quan hệ tình dục với A khoảng 02 phút thì xuất tinh ra giường. Lúc này Đ, L, T, C đứng ngoài đều nhìn thấy S quan hệ tình dục với A. Quan hệ tình dục với A xong, S ra ngoài và nói “thằng nào vào đi”, thì T đẩy Đ vào trong buồng, khi Đ vào thì A nói “đi ra đi”, do biết A còn bé nên Đ không quan hệ tình dục với A và bảo A mặc quần áo vào mà đi về và đi ra ngoài. Sau đó T vào, A bảo T đi ra ngoài nhưng T không ra mà dùng chân tay khống chế A Đ quan hệ tình dục trái ý muốn với A. Trong khi T giao cấu với A thì L, C, Đ, S vẫn đứng ngoài quan sát, khoảng 05 phút sau T ra ngoài và nói “ra phát sướng quá”, sau đó L vào quan hệ tình dục trái ý muốn với A. Đến khoảng 17h cùng ngày thì B1 nhận được tin nhắn của O bảo B1 đến đón A về nhà O Đ sáng hôm sau đi học nhưng A không về mà đi chơi ở nhà bạn. Đến ngày 11/9/2016 thì ông Trần Duy Hưng (là bố A) tìm thấy A ở phố M, thị trấn H, huyện T. Sau khi về nhà A đã nói với gia đình về việc bị L, T, S hiếp dâm nên gia đình đã trình báo Công an.

Công an huyện T đã tiến hành điều tra, ngày 11/9/2016 đã ra quyết định trưng cầu giám định về tình dục đối với cháu A. Tại Bản kết luận giám định pháp y số 247/TD ngày 13/9/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với cháu Trần Lan A đã kết luận:

“1. Các dấu vết tổn thương:

- Hiện tại kiểm tra bên ngoài không có dấu vết tổn thương, xấp 0%.
- Màng trinh: Hình vành khăn, rách cũ ở vị trí 5 giờ, 7 giờ, 9 giờ và 11 giờ.
- Hiện tại trong buồng tử cung không có thai.
- Không tìm thấy xác tinh trùng.

2. Tổn hại sức khỏe ở thời điểm hiện tại là 0%.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 112; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt:

Nguyễn Văn L 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/9/2016.

Nghiêm Văn T 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/9/2016.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 112; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 47 Bộ luật hình sự năm (1999) phạt:

Nghiêm Văn S 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/9/2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2017, bị cáo Nghiêm Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 27/3/2017, bị cáo Nghiêm Văn T, Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T giữ nguyên kháng cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản án sơ thẩm đã quy kết, các bị cáo đều cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt tù cho các bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nghiêm Văn S giữ nguyên kháng cáo, cho rằng giữa bị cáo S và người bị hại giao cấu có sự đồng thuận, không dùng vũ lực nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của đại diện hợp pháp bị cáo S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

* Luật sư bào chữa cho các bị cáo không nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và cho rằng khi luật sư tại phiên tòa phúc thẩm bị hại khai lại cho rằng, bị hại đồng ý giao cấu

với các bị cáo, nên quan điểm của luật sư không có việc giao cầu trái ý muốn; lúc đầu A không đồng ý; sau thì đồng ý; quá trình điều tra vi phạm tố tụng, khi lấy lời khai của bị hại không có đại diện hợp pháp của người bị hại. Quan điểm luật sư đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật hình sự, xem xét lại tội danh và hủy án sơ thẩm Đ điều tra lại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Nghiêm Văn S trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung quy kết của bản án sơ thẩm được tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Với các chứng cứ tài liệu, lời khai của các bị cáo và người bị hại tại Cơ quan điều tra, như luật sư nêu, tại phiên tòa phúc thẩm có lần bị hại thay đổi lời khai là đồng ý giao cầu với các bị cáo. Tuy nhiên lời khai của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm vẫn khẳng định lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là đúng sự thật của vụ án mà các bị cáo đã thực hiện các hành vi đối với bị hại. Nhưng dù lời khai của bị hại có thay đổi thì nội dung không phù hợp với các chứng cứ khác và chính lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều thừa nhận về hành vi của mình đã thực hiện đối với nạn nhân, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và chỉ xin giảm hình phạt tù, nên không có căn cứ chấp nhận như đề nghị của luật sư. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thấy đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/9/2016 sau khi anh Trần Văn B1 đưa O, Trần Lan A, Trần Thị Thảo đến nhà Nguyễn Văn L chơi, sau đó mọi người về chỉ còn lại Trần Lan A ở lại. Trong nhà lúc này trong nhà có L, S, T, Đ, C và A. L nói với S và T “Có phát không Đ đóng cửa” ý hỏi S, T có quan hệ tình dục với A không? S nói “Phát thì phát”. Thấy vậy, L đóng các cửa ra vào, T cầm tay A kéo vào buồng, thấy T kéo A vào buồng nhưng A không đi nên L đã giúp T đẩy A vào. Trong

buồng lúc này có S, T, L. S bảo T, L ra ngoài Đ S quan hệ tình dục với A trước, S nằm đè lên người A và dùng chân tay khống chế A Đ quan hệ tình dục, A chống đỡ và nói với S “em xin anh, em đang đến kỳ kinh nguyệt” nhưng S vẫn khống chế và quan hệ tình dục với A khoảng 2 phút thì xuất tinh ra giường. Quan hệ tình dục với A xong, S ra ngoài nói “thằng nào vào đi” thì T đẩy Đ vào trong buồng, khi Đ vào thì A nói “đi ra đi”, do biết A còn bé nên Đ không quan hệ tình dục với A và bảo A mặc quần áo vào mà đi về và đi ra ngoài. Sau đó T vào, A bảo T đi ra ngoài nhưng T không ra mà dùng tay chân khống chế A Đ quan hệ tình dục trái ý muốn với A, khoảng 5 phút sau T ra ngoài và nói “ra phát sướng quá”. Sau đó đến lượt L vào quan hệ tình dục trái ý muốn với A. Khi L, S, T giao cấu với A thì C, Đ đều biết và chứng kiến T bộ sự việc.

Các bị cáo trong vụ án này đều là những thanh niên mới lớn, tuổi đời còn trẻ, nhưng đều có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, nhưng không chịu học tập, lao động tu dưỡng rèn luyện bản thân, không tiếp thu sự giáo dục của gia đình và xã hội mà thường xuyên tụ tập ăn chơi, đua đòi, lợi dụng người bị hại chỉ có một mình các bị cáo đã sử dụng sức lực, khống chế Đ bắt buộc cháu A phải quan hệ tình dục trái ý muốn, bị cáo S là người quan hệ đầu tiên, bị cáo T là người quan hệ thứ hai, sau cùng là bị cáo L, khi cháu A 14 tuổi 17 ngày. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T về tội: “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ và sự phát triển B1 thường của người bị hại, hành vi ấy của các bị cáo còn thể hiện sự suy đồi về đạo đức, của một số bộ phận thanh thiếu niên hư hỏng, không chịu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, không có suy nghĩ và lối sống lành mạnh; đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây bất B1 trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật, Đ cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Nghiêm Văn S, Hội đồng xét xử thấy:

Cần phải đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, phân hóa vai trò tham gia của từng bị cáo Đ làm căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo:

- Đối với Nguyễn Văn L, khi Công, B1 và O đi về, trong nhà bị cáo lúc này chỉ còn mình cháu A với nhóm các bị cáo, L là người khởi xướng hành vi phạm tội, bị cáo hỏi S, T có quan hệ tình dục với cháu A không, khi S nói đồng ý thì chính bị cáo L là người đi đóng T bộ các cửa nhà lại và cùng T đẩy cháu A vào trong buồng, sử dụng sức mạnh, khống chế Đ quan hệ tình dục trái ý muốn đối với cháu A. Bị cáo L là người trực tiếp quan hệ tình dục với cháu A. Do đó, bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án.

- Đối với Nghiêm Văn T, khi L đóng các cửa ra vào thì T là người cầm tay cháu A kéo vào buồng, quan hệ tình dục là người thứ hai sau S. Sau đó T đẩy Đ vào trong buồng Đ quan hệ tình dục với A, nhưng Đ không quan hệ, bỏ ra ngoài. Bị cáo T là người trực tiếp khống chế cháu A Đ quan hệ tình dục với cháu A nên hành vi phạm tội của bị cáo T rất tích cực.

- Đối với Nghiêm Văn S, khi được L khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đồng ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo S là người khống chế Đ quan hệ tình dục trái ý muốn với cháu A đầu tiên, mặc dù cháu van xin nhưng bị cáo vẫn thực hiện nên hành vi phạm tội của bị cáo cũng rất tích cực.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải hành vi phạm tội; đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại được tổng cộng 90 triệu đồng và được gia đình người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nghiêm Văn S khi phạm tội là người chưa thành niên. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự (1999) Đ xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt, là đã có phần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ Đ xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn S, Nghiêm Văn T và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo S, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn T, Nghiêm Văn S và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Nghiêm Văn S; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 08/HSST ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

* Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Riêng bị cáo Nghiêm Văn S được áp dụng thêm Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự (1999) xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Văn L** 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2016.

- Bị cáo **Nghiêm Văn T** 12 năm 6 tháng (Mười hai năm, sáu tháng) tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2016.

- Bị cáo **Nghiêm Văn S** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2016.

2. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nghiêm Văn T, Nghiêm Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hoàng Văn Hạnh